

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO GIA LAI
KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT
NĂM HỌC 2026 - 2027

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ QUÝ ĐÔN
LỚP CHUYÊN: TOÁN

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Môn chung			Môn chuyên	Tổng điểm xét tuyển chuyên	Trường THCS, xã phường
					Toán	Ngữ văn	Tiếng Anh			
1	Tô Cường Nhật Minh	Nam	28/10/2011	Kinh	10	8	10	8.75	45.5	Trường THCS Lương Thế Vinh, Phường Quy Nhơn
2	Nguyễn Lê Anh Tiến	Nam	23/09/2011	Kinh	10	8.25	9.75	8.25	44.5	Trường THCS Nhơn Bình, Phường Quy Nhơn Đông
3	Triệu Thái Kỳ Nam	Nam	13/02/2011	Kinh	9	8.5	9.75	8.5	44.25	Trường THCS Đồng Đa, Phường Quy Nhơn
4	Đinh Công Hữu Trí	Nam	15/08/2011	Kinh	9	8.25	9.25	8.75	44	Trường THCS Quang Trung, Phường Quy Nhơn Nam
5	Nguyễn Hà Quyên	Nữ	30/07/2011	Kinh	10	8.25	9.75	7.75	43.5	Trường THCS Lê Hồng Phong, Phường Quy Nhơn
6	Mai Hồng Thanh	Nam	29/03/2011	Kinh	9	8	9.75	8.25	43.25	Trường THCS Lê Hồng Phong, Phường Quy Nhơn
7	Phạm Minh Thông	Nam	03/10/2011	Kinh	8.75	8.75	9.75	8	43.25	Trường THCS Trần Quang Diệu, Phường Quy Nhơn Bắc
8	Trần Quang Minh	Nam	04/03/2011	Kinh	10	8.25	9.5	7.75	43.25	Trường THCS Nhơn Bình, Phường Quy Nhơn Đông
9	Đào Thanh Khải	Nam	11/08/2011	Kinh	9	8.75	9.5	7.75	42.75	Trường THCS Phước Hòa, Xã Tuy Phước Đông
10	Trịnh Quốc Khánh	Nam	02/09/2011	Kinh	9	8.5	9.75	7.75	42.75	Trường THCS Đập Đá, Phường An Nhơn
11	Hồ Trần Nam Dương	Nam	17/04/2011	Kinh	9	7.75	9.75	8	42.5	Trường THCS Võ Xán, Xã Tây Sơn
12	Nguyễn Lê Hiếu	Nam	31/10/2011	Kinh	8.75	8.25	9.5	8	42.5	Trường THCS Ngô Mây, Phường Quy Nhơn Nam
13	Nguyễn Thanh Trọng Nhân	Nam	02/04/2011	Kinh	9.75	8.5	8.75	7.75	42.5	Trường THCS Lương Thế Vinh, Phường Quy Nhơn
14	Phan Ngọc Bảo Trân	Nữ	03/07/2011	Kinh	9.25	7.25	9.75	8	42.25	Trường THCS Trần Hưng Đạo, Phường Quy Nhơn
15	Trương Trần Thúy Trân	Nữ	05/04/2011	Kinh	8.25	8.75	9.75	7.75	42.25	Trường THCS Lê Hồng Phong, Phường Quy Nhơn

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Môn chung			Môn chuyên	Tổng điểm xét tuyển chuyên	Trường THCS, xã phường
					Toán	Ngữ văn	Tiếng Anh			
16	Võ Trường Thịnh	Nam	11/05/2011	Kinh	9.25	9	9	7.5	42.25	Trường THCS Cát Thành, Xã Cát Tiến
17	Hồ Đức Hiện	Nam	01/10/2011	Kinh	8.75	8.5	8.75	8	42	Trường THCS Nhơn Phú, Phường Quy Nhơn Bắc
18	Nguyễn Ngọc Hải Dương	Nữ	10/03/2011	Kinh	9.25	8.5	9.75	7.25	42	Trường THCS Ngô Mây, Phường Quy Nhơn Nam
19	Nguyễn Phương Thuý	Nữ	13/07/2011	Kinh	8.75	9	9.5	7.25	41.75	Trường THCS Phước Thắng, Xã Tuy Phước Đông
20	Trần Nam Sơn	Nam	01/09/2011	Kinh	8.5	6.75	8.75	8.75	41.5	Trường THCS Quang Trung, Phường Quy Nhơn Nam
21	Võ Nguyễn Duy Khang	Nam	11/10/2011	Kinh	8.5	7.5	9.5	8	41.5	Trường THCS Phước Hòa, Xã Tuy Phước Đông
22	Nguyễn Lê Đăng Khoa	Nam	21/09/2011	Kinh	9	7.25	9.25	8	41.5	Trường THCS Lương Thế Vinh, Phường Quy Nhơn
23	Trần Gia Bảo	Nam	23/12/2011	Kinh	10	7.25	9.75	7.25	41.5	Trường THCS Quang Trung, Phường Quy Nhơn Nam
24	Đỗ Trần Minh Đạo	Nam	31/07/2011	Kinh	9	8.75	9.25	7.25	41.5	Trường THCS Quang Trung, Phường Quy Nhơn Nam
25	Trình Vĩnh Thanh	Nam	30/10/2011	Kinh	9	6.5	9.75	8	41.25	Trường THCS Lương Thế Vinh, Phường Quy Nhơn
26	Trần Nguyễn Bảo Thạch	Nam	26/02/2011	Kinh	8.25	7.25	9.75	8	41.25	Trường THCS Võ Xán, Xã Tây Sơn
27	Nguyễn Văn Minh Hiếu	Nam	19/01/2011	Kinh	9	7.25	9.25	7.75	41	Trường THCS Quang Trung, Phường Quy Nhơn Nam
28	Nguyễn Nhật Huy	Nam	28/09/2011	Kinh	9	8.25	9.75	7	41	Trường THCS Quang Trung, Phường Quy Nhơn Nam
29	Phan Thị Thanh Bình	Nữ	09/06/2011	Kinh	9.75	7.5	8.5	7.5	40.75	Trường THCS Phước Lộc, Xã Tuy Phước
30	Mai Minh Hoàng	Nam	21/07/2011	Kinh	9	7	9.75	7.5	40.75	Trường THCS Quang Trung, Phường Quy Nhơn Nam
31	Đỗ Nguyễn Trung Hiếu	Nam	15/04/2011	Kinh	9	8.5	9.25	7	40.75	Trường THCS Quang Trung, Phường Quy Nhơn Nam
32	Bùi Khánh Hà	Nữ	01/10/2011	Kinh	9	8.5	9.75	6.75	40.75	Trường THCS Lương Thế Vinh, Phường Quy Nhơn

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Môn chung			Môn chuyên	Tổng điểm xét tuyển chuyên	Trường THCS, xã phường
					Toán	Ngữ văn	Tiếng Anh			
33	Huỳnh Nguyễn Gia Huy	Nam	21/08/2011	Kinh	8.75	7	8.75	8	40.5	Trường THCS Đồng Đa, Phường Quy Nhơn
34	Trần Minh Hiếu	Nam	18/09/2011	Kinh	9.5	7.25	9.25	7.25	40.5	Trường THCS Ngô Mây, Xã Phù Cát
35	Nguyễn Thành Đạt	Nam	26/07/2011	Kinh	9	8	9.5	7	40.5	Trường THCS Lê Hồng Phong, Phường Quy Nhơn

Danh sách này có 35 học sinh trúng tuyển.

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO GIA LAI
KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT
NĂM HỌC 2026 - 2027

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ QUÝ ĐÔN
LỚP CHUYÊN: VẬT LÝ

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Môn chung			Môn chuyên	Tổng điểm xét tuyển chuyên	Trường THCS, xã phường
					Toán	Ngữ văn	Tiếng Anh			
1	Đỗ Tấn Phát	Nam	22/08/2011	Kinh	8.5	8.25	9.75	10	46.5	Trường THCS số 1 Phước Sơn, Xã Tuy Phước Đông
2	Trần Minh Khánh	Nữ	22/03/2011	Kinh	9.25	8.25	9.75	9	45.25	Trường THCS Ngô Mây, Xã Phù Cát
3	Trần Chế Vương	Nam	01/01/2011	Kinh	8.5	7.75	9.25	9.5	44.5	Trường THCS Lê Hồng Phong, Phường Quy Nhơn
4	Nguyễn Ngọc Việt	Nam	24/10/2011	Kinh	8.75	7	9.5	9.5	44.25	Trường THCS Lê Hồng Phong, Phường Quy Nhơn
5	Nguyễn Quốc Tường	Nam	22/07/2011	Kinh	7.75	7.75	9.5	9.5	44	Trường THCS Cát Tân, Xã Phù Cát
6	Nguyễn Ngọc Duyên	Nữ	03/02/2011	Kinh	8.5	8.75	9.25	8.75	44	Trường THCS Lương Thế Vinh, Phường Quy Nhơn
7	Lê Công Hưng	Nam	12/10/2011	Kinh	8.75	7	9	9.5	43.75	Trường THCS Lê Hồng Phong, Phường Quy Nhơn
8	Nguyễn Long Nhật	Nam	21/07/2011	Kinh	8.5	7.5	9.5	9	43.5	Trường THCS Lương Thế Vinh, Phường Quy Nhơn
9	Lê Hoàng Bảo Ngân	Nữ	28/01/2011	Kinh	9	7.5	9.25	8.75	43.25	Trường THCS Quang Trung, Phường Quy Nhơn Nam
10	Đào Nguyễn Trúc Quỳnh	Nữ	10/02/2011	Kinh	9	7.5	9.75	8.5	43.25	Trường THCS Lê Hồng Phong, Phường Quy Nhơn
11	Mai Yến Thư	Nữ	23/11/2011	Kinh	8.75	7.5	8.5	9	42.75	Trường THCS Phước Hòa, Xã Tuy Phước Đông
12	Lê Khánh Nam	Nam	22/01/2011	Kinh	8	7.25	9.5	9	42.75	Trường THCS Lương Thế Vinh, Phường Quy Nhơn
13	Trần Hà Linh	Nữ	16/06/2011	Kinh	9	7.5	9	8.5	42.5	Trường THCS Lương Thế Vinh, Phường Quy Nhơn
14	Nguyễn Phùng Thanh Thúy	Nữ	02/02/2011	Kinh	8	8	9.25	8.5	42.25	THCS Tuy Phước, Xã Tuy Phước
15	Nguyễn Tùng Thắng	Nam	28/10/2011	Kinh	8.25	6.25	9	9	41.5	Trường THCS Trần Quang Diệu, Phường Quy Nhơn Bắc

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Môn chung			Môn chuyên	Tổng điểm xét tuyển chuyên	Trường THCS, xã phường
					Toán	Ngữ văn	Tiếng Anh			
16	Nguyễn Ngọc Kim Khánh	Nữ	24/12/2011	Kinh	9.5	8.5	9.5	7	41.5	Trường THCS Nhơn Bình, Phường Quy Nhơn Đông
17	Nguyễn Phạm Hoài Anh	Nữ	18/12/2011	Kinh	8.25	8.25	9.25	7.75	41.25	Trường THCS Lương Thế Vinh, Phường Quy Nhơn
18	Phạm Thị Phương Thảo	Nữ	04/05/2011	Kinh	8.75	7	9.25	8	41	Trường THCS Lê Hồng Phong, Phường Quy Nhơn
19	Võ Nguyễn Gia Bảo	Nam	01/11/2011	Kinh	8	7.75	9.75	7.75	41	Trường THCS Ngô Mây, Phường Quy Nhơn Nam
20	Bùi Gia Phú	Nam	04/05/2011	Kinh	8.75	6.75	8.5	8.25	40.5	Trường THCS Nhơn Lộc, Xã An Nhơn Tây
21	Nguyễn Tấn Đạt	Nam	04/08/2011	Kinh	8	6.75	8.5	8.5	40.25	Trường THCS Nguyễn Huệ, Phường Quy Nhơn Nam
22	Trần Viết Minh Trí	Nam	04/07/2011	Kinh	7.5	6.75	9	8.5	40.25	Trường THCS Lương Thế Vinh, Phường Quy Nhơn
23	Nguyễn Lâm Dũng	Nam	06/06/2011	Kinh	8.75	6.75	9.5	7.5	40	Trường THCS Quang Trung, Phường Quy Nhơn Nam
24	Trịnh Nhật Linh	Nam	01/03/2011	Kinh	8.5	7	10	7.25	40	Trường THCS Quang Trung, Phường Quy Nhơn Nam
25	Nguyễn Thảo Vi	Nữ	14/04/2011	Kinh	7.75	6.25	9.25	8.25	39.75	Trường THCS Trần Hưng Đạo, Phường Quy Nhơn
26	Diệp Quý Châu	Nam	02/05/2011	Kinh	7.5	7.5	8	8.25	39.5	Trường THCS Quang Trung, Phường Quy Nhơn Nam
27	Nguyễn Đỗ Tiến Cường	Nam	29/09/2011	Kinh	7.75	6.5	9.25	8	39.5	Trường THCS Lương Thế Vinh, Phường Quy Nhơn
28	Nguyễn Hoàng Khánh Ngọc	Nữ	29/10/2011	Kinh	8.75	7	9.25	7.25	39.5	Trường THCS Lê Hồng Phong, Phường Quy Nhơn
29	Bùi Duy Khánh	Nam	04/12/2011	Kinh	8.5	7.5	9.5	7	39.5	Trường THCS Bình Định, Phường Bình Định
30	Lê Minh Thành	Nam	23/11/2011	Kinh	7	7	8.75	8.25	39.25	Trường THCS Lương Thế Vinh, Phường Quy Nhơn
31	Hà Vĩnh Nguyên	Nam	15/05/2011	Kinh	9	7.25	9.5	6.75	39.25	Trường THCS Lê Hồng Phong, Phường Quy Nhơn
32	Lê Công Hoàng Lợi	Nam	17/04/2011	Kinh	10	5	9	7.5	39	Trường THCS Bình Định, Phường Bình Định

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Môn chung			Môn chuyên	Tổng điểm xét tuyển chuyên	Trường THCS, xã phường
					Toán	Ngữ văn	Tiếng Anh			
33	Ngô Phúc Thịnh	Nam	28/01/2011	Kinh	8.25	8	9.25	6.75	39	Trường THCS Lê Hồng Phong, Phường Quy Nhơn
34	Nguyễn Minh Hiếu	Nam	28/07/2011	Kinh	7.25	6.25	7.75	8.75	38.75	Trường THCS Ngô Mây, Phường Quy Nhơn Nam
35	Nguyễn Gia Phước	Nam	24/07/2011	Kinh	8	7.5	7.75	7.75	38.75	Trường THCS Ngô Mây, Phường Quy Nhơn Nam

Danh sách này có 35 học sinh trúng tuyển.

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO GIA LAI
KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT
NĂM HỌC 2026 - 2027

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ QUÝ ĐÔN
LỚP CHUYÊN: HÓA HỌC

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Môn chung			Môn chuyên	Tổng điểm xét tuyển chuyên	Trường THCS, xã phường
					Toán	Ngữ văn	Tiếng Anh			
1	Đoàn Ngọc Gia Huy	Nam	21/11/2011	Kinh	8	7	9.5	10	44.5	Trường THCS Quang Trung, Phường Quy Nhơn Nam
2	Mai Thiên An	Nam	08/03/2011	Kinh	9	7.5	9	9.25	44	Trường THCS Quang Trung, Phường Quy Nhơn Nam
3	Phan Nguyễn Kim Khánh	Nữ	17/04/2011	Kinh	9.25	8.5	9.75	8.25	44	Trường THCS Đồng Đa, Phường Quy Nhơn
4	Nguyễn Thanh Phú	Nam	02/08/2011	Kinh	8.5	6.5	9.5	9.5	43.5	Trường THCS Quang Trung, Phường Quy Nhơn Nam
5	Trần Như Gia Khánh	Nữ	10/05/2011	Kinh	9	6.5	9.5	9.25	43.5	Trường THCS Quang Trung, Phường Quy Nhơn Nam
6	Nguyễn Đức Nguyên	Nam	28/01/2011	Kinh	8.75	7	9.75	9	43.5	Trường THCS số 1 Phước Sơn, Xã Tuy Phước Đông
7	Nguyễn Khánh Hưng	Nam	09/07/2011	Kinh	9	7.5	8.25	9.25	43.25	Trường THCS Quang Trung, Phường Quy Nhơn Nam
8	Võ Hoài An	Nữ	24/07/2011	Kinh	7.75	8.25	9.25	9	43.25	Trường THCS Quang Trung, Phường Quy Nhơn Nam
9	Lê Trọng Quyết Thắng	Nam	23/09/2011	Kinh	9	7	9.75	8.75	43.25	Trường THCS Đồng Đa, Phường Quy Nhơn
10	Nguyễn Minh Quân	Nam	12/01/2011	Kinh	9	7.5	9.75	8.5	43.25	Trường THCS Tây Sơn, Phường Quy Nhơn
11	Phạm Lê Quang Trường	Nam	08/08/2011	Kinh	7.75	7.5	9.75	9	43	Trường THCS Quang Trung, Phường Quy Nhơn Nam
12	Bùi Gia Đạt	Nam	21/02/2011	Kinh	8.5	7.5	9.5	8.75	43	Trường THCS Võ Xán, Xã Tây Sơn
13	Trần Nam Việt	Nam	30/04/2011	Kinh	8	7.75	9.5	8.75	42.75	Trường THCS Quang Trung, Phường Quy Nhơn Nam
14	Nguyễn Trần Thảo My	Nữ	16/11/2011	Kinh	9	7.75	9.5	8.25	42.75	Trường THCS Bình Định, Phường Bình Định
15	Bùi Nguyễn Gia Huy	Nam	13/03/2011	Kinh	9	6.75	9	8.75	42.25	Trường THCS Quang Trung, Phường Quy Nhơn Nam

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Môn chung			Môn chuyên	Tổng điểm xét tuyển chuyên	Trường THCS, xã phường
					Toán	Ngữ văn	Tiếng Anh			
16	Đỗ An Khánh	Nữ	03/07/2011	Kinh	8	8	9.75	8.25	42.25	Trường THCS Cát Tân, Xã Phù Cát
17	Trần Quỳnh Như	Nữ	30/08/2011	Kinh	9	7.75	9.5	8	42.25	Trường THCS Trần Hưng Đạo, Phường Quy Nhơn
18	Nguyễn Hoàng Bảo	Nam	21/04/2011	Kinh	9	7.5	9.75	8	42.25	Trường THCS Nhơn Bình, Phường Quy Nhơn Đông
19	Phạm Hoàng Hải	Nam	14/05/2011	Kinh	9	6.5	9.25	8.5	41.75	Trường THCS Quang Trung, Phường Quy Nhơn Nam
20	Phạm Từ Minh Triết	Nam	28/10/2011	Kinh	9	6.75	9.5	8.25	41.75	Trường THCS Lương Thế Vinh, Phường Quy Nhơn
21	Lê Trương Kha Thy	Nữ	26/06/2011	Kinh	8.5	6.75	9.25	8.5	41.5	Trường THCS Lê Hồng Phong, Phường Quy Nhơn
22	Trần Minh Long	Nam	15/01/2011	Kinh	8.5	7	9.5	8.25	41.5	Trường THCS Tây Sơn, Phường Quy Nhơn
23	Trịnh Hồng Anh	Nam	26/12/2011	Kinh	7.75	7.5	9.5	8.25	41.25	Trường THCS Lương Thế Vinh, Phường Quy Nhơn
24	Lê Thành Nam	Nam	10/06/2011	Kinh	7.75	7.75	9.25	8.25	41.25	Trường THCS Vân Canh, Xã Vân Canh
25	Trương Triệu Mẫn	Nữ	20/05/2011	Kinh	7.75	7	8.25	9	41	Trường THCS Trần Quang Diệu, Phường Quy Nhơn Bắc
26	Trần Thiên Anh	Nam	19/12/2011	Kinh	7.5	8	9	8.25	41	Trường THCS Ngô Mây, Phường Quy Nhơn Nam
27	Nguyễn Ngọc Quỳnh Như	Nữ	23/12/2011	Kinh	8.75	7.5	9	7.75	40.75	Trường THCS Phước Hòa, Xã Tuy Phước Đông
28	Phạm Trần An Nhiên	Nữ	27/06/2011	Kinh	8.5	6.5	8	8.75	40.5	Trường THCS Quang Trung, Phường Quy Nhơn Nam
29	Bạch Đình Gia Phú	Nam	27/07/2011	Kinh	8.25	6.25	9	8.5	40.5	Trường THCS Quang Trung, Phường Quy Nhơn Nam
30	Đình Thế Thịnh	Nam	27/07/2011	Kinh	8.5	6.5	9.5	7.75	40	Trường THCS Lương Thế Vinh, Phường Quy Nhơn
31	Nguyễn Hoàng Bách	Nam	01/05/2011	Kinh	9	7.25	8.5	7.5	39.75	Trường THCS Lương Thế Vinh, Phường Quy Nhơn
32	Hà Duy Bách	Nam	04/09/2011	Kinh	8.75	6.75	9.5	7.25	39.5	Trường THCS Quang Trung, Phường Quy Nhơn Nam

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Môn chung			Môn chuyên	Tổng điểm xét tuyển chuyên	Trường THCS, xã phường
					Toán	Ngữ văn	Tiếng Anh			
33	Lâm Minh Trí	Nam	02/03/2011	Kinh	9	7.25	9.5	6.75	39.25	Trường THCS Lê Hồng Phong, Phường Quy Nhơn
34	Nguyễn Hoàng Hà My	Nữ	11/02/2011	Kinh	8	6.75	8.25	8	39	Trường THCS Phước Lộc, Xã Tuy Phước
35	Nguyễn Công Kha	Nam	26/04/2011	Kinh	8	7	7.25	8.25	38.75	Trường THCS Lương Thế Vinh, Phường Quy Nhơn

Danh sách này có 35 học sinh trúng tuyển.

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO GIA LAI
KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT
NĂM HỌC 2026 - 2027

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ QUÝ ĐÔN
LỚP CHUYÊN: SINH HỌC

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Môn chung			Môn chuyên	Tổng điểm xét tuyển chuyên	Trường THCS, xã phường
					Toán	Ngữ văn	Tiếng Anh			
1	Nguyễn Khánh Thy	Nữ	06/01/2011	Kinh	7.5	8.25	9.75	9	43.5	Trường THCS Quang Trung, Phường Quy Nhơn Nam
2	Lê Thành Nhân	Nam	08/05/2011	Kinh	8.5	7	9.25	9	42.75	Trường THCS Vân Canh, Xã Vân Canh
3	Võ Bảo Hiếu	Nữ	02/05/2011	Kinh	8.5	6.75	8.5	9	41.75	Trường THCS Đồng Đa, Phường Quy Nhơn
4	Nguyễn Triễn Bằng	Nam	14/02/2011	Kinh	9	7.25	9.25	8	41.5	Trường THCS Lương Thế Vinh, Phường Quy Nhơn
5	Nguyễn Minh Thư	Nữ	19/12/2011	Kinh	8.75	7.75	9.75	7.5	41.25	Trường THCS Ngô Mây, Phường Quy Nhơn Nam
6	Trần Võ Trà Giang	Nữ	07/05/2011	Kinh	9	7.25	8.25	7.75	40	Trường THCS Lương Thế Vinh, Phường Quy Nhơn
7	Phan Hoàng Hạ Nguyên	Nữ	06/08/2011	Kinh	6.5	7.5	9.25	8.25	39.75	THCS Tuy Phước, Xã Tuy Phước
8	Nguyễn Thanh Nhi	Nữ	20/03/2011	Kinh	7.75	7.5	9.5	7.5	39.75	Trường THCS Lương Thế Vinh, Phường Quy Nhơn
9	Ngô Phạm Anh Thư	Nữ	13/04/2011	Kinh	8.75	7.75	10	6.25	39	Trường THCS Lê Hồng Phong, Phường Quy Nhơn
10	Nguyễn Dương Thịnh	Nam	26/11/2011	Kinh	7.5	7.5	9.5	7	38.5	Trường THCS Nhơn Phúc, Phường Bình Định
11	Trần Hoàng Long	Nam	30/03/2011	Kinh	9	6.5	9	7	38.5	Trường THCS Lê Hồng Phong, Phường Quy Nhơn
12	Trần Võ Nhã Uyên	Nữ	10/06/2011	Kinh	8.5	7.5	9	6.75	38.5	Trường THCS Nguyễn Huệ, Phường Quy Nhơn Nam
13	Nguyễn Như Quỳnh	Nữ	26/04/2011	Kinh	8.5	8	8.75	6.5	38.25	THCS Tuy Phước, Xã Tuy Phước
14	Huỳnh Nhật Huy	Nam	06/03/2011	Kinh	7	7	9.5	7.25	38	Trường THCS Lê Hồng Phong, Phường Quy Nhơn
15	Phạm Khánh Linh	Nữ	25/01/2011	Kinh	8.5	7	8.5	6.75	37.5	Trường THCS Ghềnh Ráng, Phường Quy Nhơn Nam

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Môn chung			Môn chuyên	Tổng điểm xét tuyển chuyên	Trường THCS, xã phường
					Toán	Ngữ văn	Tiếng Anh			
16	Phạm Hà Gia Hân	Nữ	14/06/2011	Kinh	8.5	7	9.75	6	37.25	Trường THCS Lê Hồng Phong, Phường Quy Nhơn
17	Phùng Ánh Nguyệt	Nữ	15/05/2011	Kinh	8.25	6	9.25	6.75	37	Trường THCS Lương Thế Vinh, Phường Quy Nhơn
18	Nguyễn Minh Huyền	Nữ	28/02/2011	Kinh	8	7	8.75	6.5	36.75	Trường THCS Ngô Mây, Phường Quy Nhơn Nam
19	Nguyễn Văn Phước Toàn	Nam	20/05/2011	Kinh	7.75	7.5	8.25	6.5	36.5	Trường THCS Ngô Mây, Phường Quy Nhơn Nam
20	Hồ Phan Nhã Trân	Nữ	04/06/2011	Kinh	7.25	7.25	9.5	6.25	36.5	Trường THCS Lương Thế Vinh, Phường Quy Nhơn
21	Cao Bá Bảo Ngân	Nữ	16/11/2011	Kinh	8.75	7.25	8.5	6	36.5	Trường THCS Lương Thế Vinh, Phường Quy Nhơn
22	Phạm Cát Ngân Thủy	Nữ	16/03/2011	Kinh	7.75	7.75	7.75	6.5	36.25	Trường THCS Quang Trung, Phường Quy Nhơn Nam
23	Văn Diệp Hân	Nữ	12/09/2011	Kinh	8	7	8.75	6.25	36.25	Trường THCS Lê Hồng Phong, Phường Quy Nhơn
24	Lê Đoàn Mỹ Tâm	Nữ	10/05/2011	Kinh	8	8	8.25	6	36.25	Trường THCS Trần Hưng Đạo, Phường Quy Nhơn
25	Đặng Thị Bảo Ngọc	Nữ	03/01/2011	Kinh	7	7	8	7	36	Trường THCS Lê Hồng Phong, Phường Quy Nhơn
26	Nguyễn Trần Băng Nhi	Nữ	08/03/2011	Kinh	7.25	6.5	9.25	6.5	36	Trường THCS Lê Hồng Phong, Phường Quy Nhơn
27	Nguyễn Bảo Trân	Nữ	28/04/2011	Kinh	8.75	7.5	9.25	5.25	36	Trường THCS Lê Hồng Phong, Phường Quy Nhơn
28	Trần Thanh Phong	Nam	25/06/2011	Kinh	6.75	6.25	8.75	7	35.75	Trường THCS Nguyễn Huệ, Phường Quy Nhơn Nam
29	Phạm Gia Khiêm	Nam	05/12/2011	Kinh	6.75	6.25	9	6.75	35.5	Trường THCS Lê Hồng Phong, Phường Quy Nhơn
30	Cao Nguyễn Hoài An	Nữ	07/03/2011	Kinh	8.25	6.5	8.25	6.25	35.5	Trường THCS Lê Lợi, Phường Quy Nhơn
31	Lê Hải Anh	Nam	05/08/2011	Kinh	8.25	6.5	9.5	5.5	35.25	Trường THCS Lê Hồng Phong, Phường Quy Nhơn
32	Nguyễn Gia Khang	Nam	28/05/2011	Kinh	8.5	7.25	9.25	5	35	Trường THCS Lê Hồng Phong, Phường Quy Nhơn

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Môn chung			Môn chuyên	Tổng điểm xét tuyển chuyên	Trường THCS, xã phường
					Toán	Ngữ văn	Tiếng Anh			
33	Nguyễn Quốc Việt	Nam	29/04/2011	Kinh	7	5.75	7.5	7	34.25	Trường THCS Nhơn Hưng, Phường An Nhơn Đông
34	Hồ Phan Bảo Ngọc	Nữ	26/09/2011	Kinh	6.5	7.5	9.25	5.5	34.25	Trường THCS Lê Hồng Phong, Phường Quy Nhơn
35	Nguyễn Phạm Bảo Hân	Nữ	12/07/2011	Kinh	8	7.25	9	5	34.25	Trường THCS Lương Thế Vinh, Phường Quy Nhơn

Danh sách này có 35 học sinh trúng tuyển.

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO GIA LAI
KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT
NĂM HỌC 2026 - 2027

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ QUÝ ĐÔN
LỚP CHUYÊN: TIN HỌC

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Môn chung			Môn chuyên	Tổng điểm xét tuyển chuyên	Trường THCS, xã phường
					Toán	Ngữ văn	Tiếng Anh			
1	Nguyễn Phúc Bảo Khang	Nam	28/06/2011	Kinh	8.75	7.25	9.5	10	45.5	Trường THCS Bình Thành, Xã Bình An
2	Từ Gia Khải	Nam	29/08/2011	Kinh	9	7.75	9.75	9.5	45.5	Trường THCS Ngô Mây, Phường Quy Nhơn Nam
3	Nguyễn Tấn Hải	Nam	27/07/2011	Kinh	9	7.25	9.75	9.39	44.78	Trường THCS Lê Hồng Phong, Phường Quy Nhơn
4	Nguyễn Đăng Thanh Trức	Nam	02/05/2011	Kinh	9	7	9.25	9.38	44.01	Trường THCS Nguyễn Huệ, Phường Quy Nhơn Nam
5	Nguyễn Đăng Phát	Nam	27/01/2011	Kinh	8.75	7.5	9.25	9.1	43.7	Trường THCS Tây Sơn, Phường Quy Nhơn
6	Trần Nguyễn Đăng Quang	Nam	02/04/2011	Kinh	9.75	7.75	9.25	8.43	43.61	Trường THCS Quang Trung, Phường Quy Nhơn Nam
7	Huỳnh Hải Đăng	Nam	25/03/2011	Kinh	8	7	9.25	9.6	43.45	Trường THCS Quang Trung, Phường Quy Nhơn Nam
8	Hồ Tâm Huy Tường	Nam	04/12/2011	Kinh	7.75	7.5	9	9.48	43.21	Trường THCS Lương Thế Vinh, Phường Quy Nhơn
9	Nguyễn Duy Tường	Nam	04/06/2011	Kinh	7.5	8	8.75	9.4	43.05	Trường THCS Võ Xán, Xã Tây Sơn
10	Lưu Thiên An	Nam	01/11/2011	Kinh	8	7.5	9.75	8.73	42.71	Trường THCS Nguyễn Huệ, Phường Quy Nhơn Nam
11	Huỳnh Hải Dương	Nam	25/03/2011	Kinh	8.75	6	8.5	9.6	42.45	Trường THCS Quang Trung, Phường Quy Nhơn Nam
12	Lê Nhật Anh	Nam	14/05/2011	Kinh	8	8.25	9.75	8.13	42.26	Trường THCS Cát Chánh, Xã Ngô Mây
13	Nguyễn Đức Tài	Nam	27/07/2011	Kinh	8	6.75	9	9.23	42.21	Trường THCS Ngô Mây, Phường Quy Nhơn Nam
14	Tổng Nguyễn Thiên Phúc	Nữ	24/11/2011	Kinh	8.25	7.5	8.75	8.63	41.76	Trường THCS Quang Trung, Phường Quy Nhơn Nam
15	Trần Đình Phúc	Nam	14/03/2011	Kinh	8.5	6	8.5	9.08	41.16	Trường TH, THCS và THPT iSchool Quy Nhơn, Phường Quy Nhơn Bắc

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Môn chung			Môn chuyên	Tổng điểm xét tuyển chuyên	Trường THCS, xã phường
					Toán	Ngữ văn	Tiếng Anh			
16	Nguyễn Trần Bảo Hoàng	Nam	08/08/2011	Kinh	8.5	6.5	8	8.66	40.32	Trường THCS Đồng Đa, Phường Quy Nhơn
17	Trần Nguyên Vũ	Nam	05/05/2011	Kinh	8	6.75	8.75	8.33	40.16	THCS Bình Thuận, Xã Bình Hiệp
18	Phạm Bảo Khang	Nam	09/04/2011	Kinh	8	7	8.25	8.13	39.51	THCS Bình Thuận, Xã Bình Hiệp
19	Lê Nguyễn Minh Triết	Nam	14/02/2011	Kinh	8.5	7.25	9.5	7.1	39.45	Trường THCS Lê Hồng Phong, Phường Quy Nhơn
20	Thái Hoàng Long	Nam	07/03/2011	Kinh	9	6.75	9.5	7.1	39.45	Trường THCS Lương Thế Vinh, Phường Quy Nhơn
21	Nguyễn Tuấn Anh	Nam	15/07/2011	Kinh	7.25	7.5	9.25	7.51	39.02	Trường THCS Bùi Thị Xuân, Phường Quy Nhơn Tây
22	Trần Nguyễn Quỳnh Như	Nữ	16/04/2011	Kinh	9	7.5	9.75	5.86	37.97	Trường THCS Ngô Mây, Phường Quy Nhơn Nam
23	Trần Đình Tín	Nam	25/10/2011	Kinh	7.5	6.75	9.75	6.9	37.8	Trường THCS Quang Trung, Phường Quy Nhơn Nam
24	Nguyễn Lê Duy	Nam	22/07/2011	Kinh	8.5	7	9.5	6.4	37.8	Trường THCS Lê Hồng Phong, Phường Quy Nhơn
25	Hồ Bình Nguyên	Nữ	28/03/2011	Kinh	7.5	7.25	9.5	6.7	37.65	Trường THCS Lương Thế Vinh, Phường Quy Nhơn
26	Văn Ngọc Thuận	Nam	19/08/2011	Kinh	7.25	5.5	8	8.31	37.37	Trường THCS Cát Chánh, Xã Ngô Mây
27	Phan Ngọc Nguyễn Hoàng	Nam	10/07/2011	Kinh	7.5	7.25	9.5	6.4	37.05	Trường THCS Quang Trung, Phường Quy Nhơn Nam
28	Tô Ngọc Yến Nhi	Nữ	15/07/2011	Kinh	7.5	5.5	9.25	7.35	36.95	Trường THCS Lương Thế Vinh, Phường Quy Nhơn
29	Nguyễn Đặng Bảo Bình	Nữ	28/10/2011	Kinh	8.5	7.75	9.75	5	36	Trường THCS Lương Thế Vinh, Phường Quy Nhơn
30	Nguyễn Đăng Khoa	Nam	19/04/2011	Kinh	8.5	7.25	8	5.9	35.55	Trường THCS Quang Trung, Phường Quy Nhơn Nam
31	Nguyễn Hữu Tín	Nam	20/03/2011	Kinh	9	7.5	8.25	5.1	34.95	Trường THCS Lê Hồng Phong, Phường Quy Nhơn
32	Đặng Gia Hưởng	Nam	14/10/2011	Kinh	7.75	5.75	8	6.35	34.2	Trường THCS Nhơn Phú, Phường Quy Nhơn Bắc

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Môn chung			Môn chuyên	Tổng điểm xét tuyển chuyên	Trường THCS, xã phường
					Toán	Ngữ văn	Tiếng Anh			
33	Trần Bảo Vy	Nữ	02/02/2011	Kinh	7	7	9.75	5	33.75	THCS Tuy Phước, Xã Tuy Phước
34	Nguyễn Chi Xuân Nghi	Nữ	27/02/2011	Kinh	7.75	7.25	8.5	5.11	33.72	Trường THCS Quang Trung, Phường Quy Nhơn Nam
35	Nguyễn Thúy Nga	Nữ	28/11/2011	Kinh	8.5	7.25	7.75	5.05	33.6	Trường THCS Ngô Mây, Phường Quy Nhơn Nam

Danh sách này có 35 học sinh trúng tuyển.

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO GIA LAI
KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT
NĂM HỌC 2026 - 2027

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ QUÝ ĐÔN
LỚP CHUYÊN: NGŨ VĂN

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Môn chung			Môn chuyên	Tổng điểm xét tuyển chuyên	Trường THCS, xã phường
					Toán	Ngữ văn	Tiếng Anh			
1	Mai Phương Anh	Nữ	29/08/2011	Kinh	8	9	9	7.75	41.5	Trường THCS Lê Hồng Phong, Phường Quy Nhơn
2	Trịnh Mỹ An	Nữ	20/10/2011	Kinh	8.5	8.5	9.25	7.5	41.25	Trường THCS Quang Trung, Phường Quy Nhơn Nam
3	Phạm Ngọc Khánh Ngân	Nữ	01/03/2011	Kinh	9	7.5	8.75	7.75	40.75	Trường THCS Quang Trung, Phường Quy Nhơn Nam
4	Lê Mai Khôi	Nữ	01/03/2011	Kinh	7.5	7.75	9.75	7.75	40.5	Trường THCS Nguyễn Huệ, Phường Quy Nhơn Nam
5	Nguyễn Đình Trí	Nam	09/01/2011	Kinh	8.25	8.75	9.5	7	40.5	Trường THCS Quang Trung, Phường Quy Nhơn Nam
6	Nguyễn Xuân Phương Linh	Nữ	15/02/2011	Kinh	8.5	8.75	9.75	6.25	39.5	Trường THCS Nhơn Phú, Phường Quy Nhơn Bắc
7	Chu Ngọc Hương Lan	Nữ	09/12/2011	Kinh	8.25	7.5	8.5	7.5	39.25	Trường THCS Ngô Mây, Phường Quy Nhơn Nam
8	Võ Lê Vĩnh Trinh	Nữ	15/12/2011	Kinh	8.25	8.5	8.5	7	39.25	Trường THCS Tây Giang, Xã Bình Khê
9	Nguyễn Thái Bảo Nghi	Nữ	12/10/2011	Kinh	8.25	8	10	6.5	39.25	Trường THCS Lê Hồng Phong, Phường Quy Nhơn
10	Nguyễn Hoàng Bảo Trân	Nữ	05/08/2011	Kinh	8.5	8.5	9.25	6.5	39.25	Trường THCS Quang Trung, Phường Quy Nhơn Nam
11	Nguyễn Hoàng Gia Bảo	Nam	10/04/2011	Kinh	8	7.5	9.5	7	39	Trường THCS Lương Thế Vinh, Phường Quy Nhơn
12	Lê Nguyễn Hoàng Lam	Nữ	13/10/2011	Kinh	7.5	8	9.25	7	38.75	Trường THCS Quang Trung, Phường Quy Nhơn Nam
13	Nguyễn Ngọc Thanh Trúc	Nữ	12/11/2011	Kinh	8.5	8.25	9	6.5	38.75	Trường THCS Phước Thành, Xã Tuy Phước Tây
14	Lê Vân Khánh	Nữ	29/03/2011	Kinh	8.25	6.75	9.25	7	38.25	Trường THCS Lương Thế Vinh, Phường Quy Nhơn
15	Nguyễn Ngọc Nhã Uyên	Nữ	06/05/2011	Kinh	8.5	8.5	7.75	6.75	38.25	Trường THCS Nhơn Bình, Phường Quy Nhơn Đông

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Môn chung			Môn chuyên	Tổng điểm xét tuyển chuyên	Trường THCS, xã phường
					Toán	Ngữ văn	Tiếng Anh			
16	Lê Hạo Nhiên	Nữ	02/03/2011	Hán	8.75	8	8.25	6.5	38	Trường THCS Phước Thành, Xã Tuy Phước Tây
17	Bùi Lê Hoàng Yến	Nữ	16/03/2011	Kinh	8.5	8	9.5	6	38	Trường THCS Phước An, Xã Tuy Phước Tây
18	Trần Minh Ngọc	Nữ	08/02/2011	Kinh	7	8	8.75	7	37.75	Trường THCS Lương Thế Vinh, Phường Quy Nhơn
19	Trịnh Như Thanh	Nữ	24/01/2011	Kinh	7.25	8	9.25	6.5	37.5	Trường THCS Phước Lộc, Xã Tuy Phước
20	Nguyễn Nguyên Thảo Vy	Nữ	25/06/2011	Kinh	7.5	7.25	9.75	6.5	37.5	Trường THCS Cát Thành, Xã Cát Tiến
21	Nguyễn Ngọc Diệu Linh	Nữ	27/12/2011	Kinh	7.5	7	9.25	6.75	37.25	Trường THCS Ngô Mây, Phường Quy Nhơn Nam
22	Lê Phạm Thanh Trúc	Nữ	31/08/2011	Kinh	7.5	8.25	9	6.25	37.25	Trường THCS Nhơn Bình, Phường Quy Nhơn Đông
23	Nguyễn Thuỳ Linh	Nữ	08/01/2011	Kinh	8.25	7.75	9.25	6	37.25	Trường THCS Nhơn Khánh, Phường Bình Định
24	Lê Đoàn Phương Quyên	Nữ	31/01/2011	Kinh	7.75	7.25	8.25	6.75	36.75	Trường THCS Nhơn Bình, Phường Quy Nhơn Đông
25	Ngô Lê Uyên Trang	Nữ	11/12/2011	Kinh	8	6.5	9.75	6.25	36.75	Trường THCS Nhơn Bình, Phường Quy Nhơn Đông
26	Trần Đoàn Hạ Vy	Nữ	11/01/2011	Kinh	7	7.75	7.75	7	36.5	Trường THCS Ngô Mây, Xã Phù Cát
27	Đặng Thùy Linh	Nữ	23/05/2011	Kinh	7.5	7.75	8.75	6.25	36.5	Trường THCS Ngô Mây, Xã Phù Cát
28	Nguyễn Ty Thùy Tiên	Nữ	05/01/2011	Kinh	8.5	8.5	7.5	6	36.5	Trường THCS Nhơn Bình, Phường Quy Nhơn Đông
29	Nguyễn Minh Quân	Nam	10/03/2011	Kinh	7.25	8.25	9.5	5.75	36.5	Trường THCS Ngô Mây, Phường Quy Nhơn Nam
30	Lê Thị Kim Ngân	Nữ	31/03/2011	Kinh	8	9	8.5	5.5	36.5	Trường THCS Ngô Mây, Phường Quy Nhơn Nam
31	Phan Khả Bình	Nữ	01/09/2011	Kinh	8	8	8.25	6	36.25	Trường THCS Lê Hồng Phong, Phường Quy Nhơn
32	Nguyễn Hoàng Dung	Nữ	09/02/2011	Kinh	7.5	7.5	9.75	5.75	36.25	Trường THCS Lương Thế Vinh, Phường Quy Nhơn

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Môn chung			Môn chuyên	Tổng điểm xét tuyển chuyên	Trường THCS, xã phường
					Toán	Ngữ văn	Tiếng Anh			
33	Phan Ngọc Khôi	Nam	16/06/2011	Kinh	8	7	9.75	5.75	36.25	Trường THCS Quang Trung, Phường Quy Nhơn Nam
34	Hồ Gia Hân	Nữ	03/07/2011	Kinh	8.5	7.5	9.25	5.5	36.25	Trường THCS Nguyễn Huệ, Phường Quy Nhơn Nam
35	Nguyễn Quốc Triệu	Nam	11/02/2011	Kinh	7.5	8.5	8	6	36	Trường THCS Cát Hải, Xã Cát Tiến

Danh sách này có 35 học sinh trúng tuyển.

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO GIA LAI
KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT
NĂM HỌC 2026 - 2027

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ QUÝ ĐÔN
LỚP CHUYÊN: ĐỊA LÍ

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Môn chung			Môn chuyên	Tổng điểm xét tuyển chuyên	Trường THCS, xã phường
					Toán	Ngữ văn	Tiếng Anh			
1	Phan Hoàng Kiều Ái	Nữ	19/07/2011	Kinh	6.5	7.75	9.5	7.5	38.75	Trường THCS Tây Sơn, Phường Quy Nhơn
2	Lê Uyên Minh	Nữ	07/10/2011	Kinh	9	7.75	9.25	6.25	38.5	Trường THCS Quang Trung, Phường Quy Nhơn Nam
3	Võ Tuấn Kiệt	Nam	27/09/2011	Kinh	8.25	7.5	9.5	6.5	38.25	Trường THCS Quang Trung, Phường Quy Nhơn Nam
4	Thái Thuận Phát	Nam	22/02/2011	Hoa	8.25	7	9	6.75	37.75	Trường THCS Lê Hồng Phong, Phường Quy Nhơn
5	Nguyễn Trung Hiếu	Nam	01/01/2011	Kinh	7.5	7	8.25	7.25	37.25	THCS Mai Xuân Thưởng, Xã Bình Phú
6	Nguyễn Trí Kiên	Nam	15/09/2011	Kinh	7.75	6.75	8.5	7	37	Trường THCS Lê Hồng Phong, Phường Quy Nhơn
7	Lưu Nguyễn Quỳnh Anh	Nữ	07/11/2011	Kinh	7.5	7	9	6.75	37	Trường THCS Lê Hồng Phong, Phường Quy Nhơn
8	Nguyễn Trúc Quỳnh	Nữ	12/09/2011	Kinh	6.5	7.5	8.25	7.25	36.75	Trường THCS Nhơn Phú, Phường Quy Nhơn Bắc
9	Bùi Hoàng Anh Trúc	Nữ	30/01/2011	Kinh	7.75	6.5	9.75	6.25	36.5	Trường THCS Lê Hồng Phong, Phường Quy Nhơn
10	Nguyễn Tú Quyên	Nữ	29/03/2011	Kinh	7.5	7	8.5	6.5	36	Trường THCS Lê Hồng Phong, Phường Quy Nhơn
11	Lê Thị Nguyên Thơ	Nữ	11/02/2011	Kinh	7	7.5	7.75	6.75	35.75	Trường THCS Nhơn Hòa, Phường An Nhơn Nam
12	Trần Phan Anh Lộc	Nam	20/03/2011	Kinh	8	6.75	9.75	5.5	35.5	Trường THCS Ngô Mây, Phường Quy Nhơn Nam
13	Nguyễn Trần Khánh Huy	Nam	08/08/2011	Kinh	7.25	7.5	9	5.5	34.75	Trường THCS Đống Đa, Phường Quy Nhơn
14	Võ Thị Thu Hà	Nữ	19/11/2011	Kinh	7.75	6.5	8	6	34.25	Trường THCS Phước Thành, Xã Tuy Phước Tây
15	Trương Triệu Vy	Nữ	09/06/2011	Kinh	7	6.5	8.5	6	34	Trường THCS Đống Đa, Phường Quy Nhơn

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Môn chung			Môn chuyên	Tổng điểm xét tuyển chuyên	Trường THCS, xã phường
					Toán	Ngữ văn	Tiếng Anh			
16	Lê Bảo Trân	Nữ	23/05/2011	Kinh	7.5	7.25	8	5.5	33.75	Trường THCS Lê Hồng Phong, Phường Quy Nhơn
17	Đặng Vũ Ngọc Hà	Nữ	30/04/2011	Kinh	6.5	7	9.25	5.25	33.25	Trường THCS Lương Thế Vinh, Phường Quy Nhơn
18	Nguyễn Huỳnh Hà My	Nữ	14/08/2011	Kinh	7	7	9.25	5	33.25	Trường THCS Ngô Mây, Phường Quy Nhơn Nam
19	Phạm Khánh Linh	Nữ	16/03/2011	Kinh	6.75	8	8.25	5	33	Trường THCS Lê Lợi, Phường Quy Nhơn
20	Nguyễn Minh Trí	Nam	27/07/2011	Kinh	6	6.75	9	5.5	32.75	Trường THCS Lê Hồng Phong, Phường Quy Nhơn
21	Nguyễn Đăng Tùng Lâm	Nam	23/05/2011	Kinh	6.25	6.5	9	5.5	32.75	Trường THCS Quang Trung, Phường Quy Nhơn Nam
22	Nguyễn Khánh Ngân	Nữ	27/10/2011	Kinh	5.75	7.75	6.75	5.75	31.75	Trường THCS Quang Trung, Phường Quy Nhơn Nam
23	Trần Lý Nhã Uyên	Nữ	15/01/2011	Kinh	7.5	7	7.25	5	31.75	Trường THCS Đồng Đa, Phường Quy Nhơn
24	Tân Huy Kiên	Nam	02/11/2011	Kinh	5.25	6.25	7.75	5.75	30.75	Trường THCS Lương Thế Vinh, Phường Quy Nhơn
25	Nguyễn Anh Khôi	Nam	27/02/2011	Kinh	6.75	7	6.75	5	30.5	Trường THCS Lê Hồng Phong, Phường Quy Nhơn
26	Phạm Trần Đăng Khoa	Nam	20/06/2011	Kinh	4.5	7	7.25	5.75	30.25	Trường THCS Lê Hồng Phong, Phường Quy Nhơn
27	Lê Nhật Trung	Nam	22/01/2011	Kinh	5.25	7	6.75	5	29	Trường THCS Nguyễn Huệ, Phường Quy Nhơn Nam
28	Hồ Trí Khương	Nam	20/06/2011	Kinh	4.5	6	8.5	5	29	Trường TH, THCS và THPT iSchool Quy Nhơn, Phường Quy Nhơn Bắc
29	Nguyễn Ngọc Minh Thương	Nữ	03/11/2011	Kinh	5.75	7	5	5	27.75	Trường THCS Cát Sơn, Xã Hội Sơn
30	Đặng Vũ Anh Nguyên	Nam	24/05/2011	Kinh	6.5	3.75	7	5	27.25	Trường THCS Lê Hồng Phong, Phường Quy Nhơn
31	Nguyễn Trọng Khang	Nam	09/07/2011	Kinh	5	6	5	5	26	Trường THCS Đồng Đa, Phường Quy Nhơn

Danh sách này có 31 học sinh trúng tuyển.

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO GIA LAI
KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT
NĂM HỌC 2026 - 2027

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ QUÝ ĐÔN
LỚP CHUYÊN: LỊCH SỬ

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Môn chung			Môn chuyên	Tổng điểm xét tuyển chuyên	Trường THCS, xã phường
					Toán	Ngữ văn	Tiếng Anh			
1	Nguyễn Trần Tuấn Minh	Nam	07/11/2011	Kinh	8	8	9	8.75	42.5	Trường THCS Đồng Đa, Phường Quy Nhơn
2	Nguyễn Lê Ngọc Hân	Nữ	21/11/2011	Kinh	9	7	9	8.5	42	Trường THCS Nguyễn Huệ, Phường Quy Nhơn Nam
3	Nguyễn Linh Giang	Nữ	10/06/2011	Kinh	7.5	7	9	9	41.5	Trường THCS Quang Trung, Phường Quy Nhơn Nam
4	Phan Nguyễn Huyền Phương	Nữ	24/11/2011	Kinh	7.25	7.5	9.75	8	40.5	Trường THCS Bùi Thị Xuân, Phường Quy Nhơn Tây
5	Võ Tường Vy	Nữ	19/01/2011	Kinh	7.25	8	8	8.5	40.25	Trường THCS Phước Thành, Xã Tuy Phước Tây
6	Lê Văn Minh	Nam	12/08/2011	Kinh	8	8	8.75	7.75	40.25	Trường THCS Đồng Đa, Phường Quy Nhơn
7	Nguyễn Bá Phong	Nam	31/05/2011	Kinh	8.75	7.75	9.25	7.25	40.25	Trường THCS Lương Thế Vinh, Phường Quy Nhơn
8	Nguyễn An Thịnh	Nam	25/10/2011	Kinh	7.5	7	8.5	8.5	40	Trường THCS Lê Hồng Phong, Phường Quy Nhơn
9	Nguyễn Phương Thảo	Nữ	08/06/2011	Kinh	7.75	7.75	8.75	7.75	39.75	Trường THCS Lê Hồng Phong, Phường Quy Nhơn
10	Huỳnh Khánh Ngọc	Nữ	20/08/2011	Kinh	8.5	7.5	8.5	7.5	39.5	Trường THCS Lê Hồng Phong, Phường Quy Nhơn
11	Dương Thị Mỹ Linh	Nữ	17/03/2011	Kinh	7.5	6.5	9	8	39	Trường THCS Lương Thế Vinh, Phường Quy Nhơn
12	Nguyễn Quốc Tuấn	Nam	14/07/2011	Kinh	7.25	6.75	6	9.25	38.5	Trường THCS Lê Hồng Phong, Phường Quy Nhơn
13	Đông Nguyễn Anh Thư	Nữ	15/03/2011	Kinh	7	8.5	8.5	7.25	38.5	Trường THCS Cát Hải, Xã Cát Tiến
14	Nguyễn Thảo My	Nữ	19/11/2011	Kinh	5.5	7	8.75	8.5	38.25	Trường THCS Ngô Mỹ, Phường Quy Nhơn Nam
15	Phạm Nguyễn Phương Nhi	Nữ	23/11/2011	Kinh	7.75	6.25	8.75	7.75	38.25	Trường THCS Ngô Mỹ, Phường Quy Nhơn Nam

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Môn chung			Môn chuyên	Tổng điểm xét tuyển chuyên	Trường THCS, xã phường
					Toán	Ngữ văn	Tiếng Anh			
16	Nguyễn Ngọc Bảo Hân	Nữ	28/06/2011	Kinh	7.25	7	8.75	7.5	38	Trường THCS Võ Xán, Xã Tây Sơn
17	Nguyễn Hồng Diễm	Nữ	09/09/2011	Kinh	5.75	6.25	8.75	8.5	37.75	Trường THCS Bình Hòa, Xã Bình An
18	Hồ Vũ Phi Long	Nam	01/10/2011	Kinh	6.25	7.25	6.75	8.5	37.25	Trường THCS Lương Thế Vinh, Phường Quy Nhơn
19	Nguyễn Trần Ngân Hà	Nữ	05/05/2011	Kinh	6.75	7.25	8.75	7.25	37.25	Trường THCS Quang Trung, Phường Quy Nhơn Nam
20	Cao Nguyễn Thái Uyên	Nữ	23/04/2011	Kinh	6.75	7.25	7	8	37	THCS Tuy Phước, Xã Tuy Phước
21	Phan Trần Tuấn Phú	Nam	14/02/2011	Kinh	7.5	6.75	8.75	6.75	36.5	Trường THCS Lê Hồng Phong, Phường Quy Nhơn
22	Đặng An Nguyên	Nam	12/09/2011	Kinh	7.5	6	9.25	6.75	36.25	Trường THCS Quang Trung, Phường Quy Nhơn Nam
23	Đinh Trọng Khang	Nam	21/10/2011	Kinh	7.5	6.75	8.75	6.5	36	Trường THCS Lê Hồng Phong, Phường Quy Nhơn
24	Đinh Quốc Nhân	Nam	13/05/2011	Kinh	7.5	5	8.75	7.25	35.75	Trường THCS Ngô Mây, Phường Quy Nhơn Nam
25	Phan Nhật Nam	Nam	08/05/2011	Kinh	6	8.75	7.25	6.75	35.5	Trường THCS Bùi Thị Xuân, Phường Quy Nhơn Tây
26	Nguyễn Phúc Xuân Nhi	Nữ	20/07/2011	Kinh	6.5	7	9.5	6.25	35.5	Trường THCS Lê Hồng Phong, Phường Quy Nhơn
27	Nguyễn Phạm Hoàng Lam	Nữ	14/08/2011	Kinh	7.25	6	9.5	6.25	35.25	Trường THCS Ghềnh Ráng, Phường Quy Nhơn Nam
28	Dương Ngọc Minh Toàn	Nam	11/04/2011	Kinh	8.5	8	8.75	5	35.25	Trường THCS Bùi Thị Xuân, Phường Quy Nhơn Tây
29	Dương Gia Hân	Nữ	01/01/2011	Kinh	6.5	7.25	7.25	7	35	Trường THCS Lê Hồng Phong, Phường Quy Nhơn
30	Nguyễn Thái Bình	Nam	05/09/2011	Kinh	7.25	7.5	7.75	6	34.5	Trường THCS Bùi Thị Xuân, Phường Quy Nhơn Tây
31	Nguyễn Đình Nhật Uyên	Nữ	08/03/2011	Kinh	5.25	7.25	8.75	6.5	34.25	Trường THCS Quang Trung, Phường Quy Nhơn Nam
32	Nguyễn Ngọc Trâm Anh	Nữ	23/06/2011	Kinh	7	7	7.75	6	33.75	Trường THCS Lương Thế Vinh, Phường Quy Nhơn

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Môn chung			Môn chuyên	Tổng điểm xét tuyển chuyên	Trường THCS, xã phường
					Toán	Ngữ văn	Tiếng Anh			
33	Huỳnh Nguyễn Phương Linh	Nữ	11/08/2011	Kinh	6.75	7.5	8.25	5.5	33.5	Trường THCS Quang Trung, Phường Quy Nhơn Nam
34	Đào Quốc Thắng	Nam	06/01/2011	Kinh	5.5	6	6.75	7.5	33.25	Trường THCS Vân Canh, Xã Vân Canh
35	Trần Lê Anh Thư	Nữ	18/03/2011	Kinh	5.75	7.75	7.75	5.75	32.75	Trường THCS Quang Trung, Phường Quy Nhơn Nam

Danh sách này có 35 học sinh trúng tuyển.

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO GIA LAI
KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT
NĂM HỌC 2026 - 2027

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ QUÝ ĐÔN
LỚP CHUYÊN: TIẾNG ANH

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Môn chung			Môn chuyên	Tổng điểm xét tuyển chuyên	Trường THCS, xã phường
					Toán	Ngữ văn	Tiếng Anh			
1	Trần Vũ Minh Thư	Nữ	29/04/2011	Kinh	8.5	8.5	9.75	9	44.75	Trường THCS Quang Trung, Phường Quy Nhơn Nam
2	Hồ Gia Hân	Nữ	07/11/2011	Kinh	9	8.25	10	8.5	44.25	Trường THCS Ngô Mây, Phường Quy Nhơn Nam
3	Nguyễn Thành Danh	Nam	05/04/2011	Kinh	8.5	7.5	10	9	44	Trường THCS Lương Thế Vinh, Phường Quy Nhơn
4	Lê Hà Phương	Nữ	25/08/2011	Kinh	8.5	7.75	9.75	8.9	43.8	Trường THCS Lương Thế Vinh, Phường Quy Nhơn
5	Huỳnh Ngọc Bình An	Nam	25/03/2011	Kinh	9	7.25	9.75	8.7	43.4	Trường THCS Lê Hồng Phong, Phường Quy Nhơn
6	Phạm Thiên Phước	Nam	19/01/2011	Kinh	9	6.5	9.5	9	43	Trường THCS Lương Thế Vinh, Phường Quy Nhơn
7	Hoàng Tùng	Nam	13/02/2011	Kinh	9	8	9.5	8.2	42.9	Trường THCS Lương Thế Vinh, Phường Quy Nhơn
8	Nguyễn Bảo Duy	Nam	04/05/2011	Kinh	8	8.75	9.5	8.3	42.85	Trường THCS Quang Trung, Phường Quy Nhơn Nam
9	Nguyễn Thị Như Ngọc	Nữ	31/05/2011	Kinh	8.5	8.75	10	7.7	42.65	Trường THCS Lê Hồng Phong, Phường Quy Nhơn
10	Nguyễn Đức Trí	Nam	11/07/2011	Kinh	9.5	7.5	10	7.8	42.6	Trường THCS Lương Thế Vinh, Phường Quy Nhơn
11	Trần Quỳnh Anh	Nữ	11/05/2011	Kinh	8.5	8.25	9.75	8	42.5	Trường THCS Lương Thế Vinh, Phường Quy Nhơn
12	Phan Hữu Phước	Nam	11/09/2011	Kinh	9.5	7.5	9.5	7.9	42.3	Trường THCS Lê Hồng Phong, Phường Quy Nhơn
13	Nguyễn Trọng Khoa Đăng	Nam	30/05/2011	Kinh	9	7.5	10	7.9	42.3	Trường THCS Lương Thế Vinh, Phường Quy Nhơn
14	Trần Gia Phúc	Nam	01/11/2011	Kinh	8.5	6.5	9.75	8.7	42.15	Trường THCS Lương Thế Vinh, Phường Quy Nhơn
15	Hồ Ngọc Khánh	Nữ	08/07/2011	Kinh	9	7.5	10	7.8	42.1	Trường THCS Lê Hồng Phong, Phường Quy Nhơn

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Môn chung			Môn chuyên	Tổng điểm xét tuyển chuyên	Trường THCS, xã phường
					Toán	Ngữ văn	Tiếng Anh			
16	Nguyễn Thị Anh Thu	Nữ	06/06/2011	Kinh	8.5	6.75	9.5	8.6	41.95	Trường THCS Lê Hồng Phong, Phường Quy Nhơn
17	Nguyễn Hoàng Huy	Nam	27/09/2011	Kinh	7.25	7.75	10	8.4	41.8	Trường THCS Trần Hưng Đạo, Phường Quy Nhơn
18	Trần Trương Thanh Quỳnh	Nữ	18/10/2011	Kinh	8	7.75	10	8	41.75	Trường THCS Nhơn Phú, Phường Quy Nhơn Bắc
19	Nguyễn Ngọc Hồng Sâm	Nữ	21/06/2011	Kinh	9	6.75	10	8	41.75	Trường THCS Lê Hồng Phong, Phường Quy Nhơn
20	Trần Nhật Trí	Nam	28/10/2011	Kinh	8.5	7.5	9.75	8	41.75	Trường THCS Quang Trung, Phường Quy Nhơn Nam
21	Phạm Phương Thảo	Nữ	10/02/2011	Kinh	8.5	8	9.75	7.7	41.65	Trường THCS Lê Lợi, Phường Quy Nhơn
22	Phạm Kiến Văn	Nam	05/02/2011	Kinh	8.75	6.25	10	8.3	41.6	Trường THCS Quang Trung, Phường Quy Nhơn Nam
23	Nguyễn Ngọc Hạ Uyên	Nữ	13/06/2011	Kinh	8.25	8	9.75	7.8	41.6	Trường THCS Lê Hồng Phong, Phường Quy Nhơn
24	Doãn Nguyễn Hằng Nga	Nữ	19/05/2011	Kinh	7.75	7.75	9.75	8.1	41.45	Trường THCS Lê Lợi, Phường Quy Nhơn
25	Nguyễn Thị Mỹ Linh	Nữ	21/11/2011	Kinh	9.75	6.75	10	7.4	41.3	Trường THCS Quang Trung, Phường Quy Nhơn Nam
26	Nguyễn Ngọc Quang	Nam	29/06/2011	Kinh	7.75	7.5	10	7.9	41.05	Trường THCS Ngô Mây, Phường Quy Nhơn Nam
27	Trần Ngọc Gia Hân	Nữ	18/06/2011	Kinh	8	8.5	9.5	7.5	41	Trường THCS Lương Thế Vinh, Phường Quy Nhơn
28	Trần Thái Minh Khang	Nam	31/01/2011	Kinh	9	6.75	10	7.6	40.95	Trường THCS Quang Trung, Phường Quy Nhơn Nam
29	Nguyễn Hoàng Thanh	Nam	26/07/2011	Kinh	8.25	7.75	9.5	7.5	40.5	Trường THCS Ngô Mây, Xã Phù Cát
30	Phan Ngọc Khánh Hiền	Nữ	13/07/2011	Kinh	9	7.5	10	7	40.5	Trường THCS Bình Hòa, Xã Bình An
31	Ngô Kim Quy	Nữ	07/09/2011	Kinh	8.25	7.25	9.5	7.7	40.4	Trường THCS Lê Hồng Phong, Phường Quy Nhơn
32	Nguyễn Châu Hồng Ngọc	Nữ	16/09/2011	Kinh	7.75	8	9.5	7.5	40.25	Trường THCS Quang Trung, Phường Quy Nhơn Nam

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Môn chung			Môn chuyên	Tổng điểm xét tuyển chuyên	Trường THCS, xã phường
					Toán	Ngữ văn	Tiếng Anh			
33	Lê Phan Bảo Ngân	Nữ	04/06/2011	Kinh	8	8	10	7.1	40.2	Trường THCS Quang Trung, Phường Quy Nhơn Nam
34	Trần Quỳnh Chi	Nữ	30/07/2011	Kinh	8	8	9.75	7.2	40.15	Trường THCS Ngô Mây, Phường Quy Nhơn Nam
35	Bùi Nguyễn Thảo Linh	Nữ	09/04/2011	Kinh	7.75	7.5	10	7.4	40.05	Trường THCS Quang Trung, Phường Quy Nhơn Nam
36	Trần Vĩnh Thùy Dương	Nữ	23/11/2011	Kinh	7	8	10	7.5	40	Trường THCS Lê Hồng Phong, Phường Quy Nhơn
37	Nguyễn Thành Hưng	Nam	01/11/2011	Kinh	8.5	7	9.5	7.5	40	Trường THCS Quang Trung, Phường Quy Nhơn Nam
38	Mai Quỳnh Hảo Tâm	Nữ	09/08/2011	Kinh	7.25	7.5	9.75	7.7	39.9	Trường THCS Trần Bá, Xã Tuy Phước
39	Nguyễn Đặng Quỳnh Nga	Nữ	14/07/2011	Kinh	7	7.5	9.75	7.8	39.85	Trường THCS Ngô Mây, Phường Quy Nhơn Nam
40	Nguyễn Khánh Trâm	Nữ	08/10/2011	Kinh	9	6.25	10	7.3	39.85	Trường THCS Lương Thế Vinh, Phường Quy Nhơn
41	Lê Minh Thương	Nữ	05/06/2011	Kinh	8	8.5	9.75	6.8	39.85	Trường THCS Quang Trung, Phường Quy Nhơn Nam
42	Huỳnh Thái Nghi	Nữ	01/11/2011	Kinh	7.75	7.75	9.5	7.4	39.8	Trường THCS Quang Trung, Phường Quy Nhơn Nam
43	Đinh Khôi Vĩ	Nam	04/01/2011	Kinh	7	6.5	10	8.1	39.7	Trường THCS Ngô Mây, Phường Quy Nhơn Nam
44	Trần Quang Huy	Nam	24/11/2011	Kinh	9	8.75	9.75	6.1	39.7	Trường THCS Ngô Mây, Xã Phù Cát
45	Trần Bảo Diệp	Nữ	20/03/2011	Kinh	8.75	7.5	10	6.7	39.65	Trường THCS Ngô Mây, Phường Quy Nhơn Nam
46	Nguyễn Hoàng Anh Thư	Nữ	27/02/2011	Kinh	9	8.25	9.75	6.3	39.6	Trường THCS Ngô Mây, Phường Quy Nhơn Nam
47	Bùi Kha Huy	Nam	21/06/2011	Kinh	7.5	7.25	9.75	7.5	39.5	Trường THCS Trần Hưng Đạo, Phường Quy Nhơn
48	Tô Hà My	Nữ	26/12/2011	Kinh	8.5	8.5	9.5	6.5	39.5	Trường THCS Quang Trung, Phường Quy Nhơn Nam
49	Nguyễn Quốc Kỳ	Nam	20/02/2011	Kinh	8.25	7	10	7.1	39.45	Trường THCS Lương Thế Vinh, Phường Quy Nhơn

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Môn chung			Môn chuyên	Tổng điểm xét tuyển chuyên	Trường THCS, xã phường
					Toán	Ngữ văn	Tiếng Anh			
50	Nguyễn Ngọc Phát	Nam	20/10/2011	Kinh	8	6	10	7.7	39.4	Trường THCS Cát Tiến, Xã Cát Tiến
51	Lê Đào Như Hoa	Nữ	13/11/2011	Kinh	8.25	8.5	9.75	6.4	39.3	Trường THCS Đồng Đa, Phường Quy Nhơn
52	Nguyễn Huỳnh Như	Nữ	24/03/2011	Kinh	5.25	7.75	9.5	8.3	39.1	Trường THCS Trần Quang Diệu, Phường Quy Nhơn Bắc
53	Đặng Cao Gia Hân	Nữ	09/01/2011	Kinh	7.25	8.75	9.5	6.8	39.1	Trường THCS Bùi Thị Xuân, Phường Quy Nhơn Tây
54	Lê Ngân Khánh	Nữ	10/05/2011	Kinh	8	7.75	9.5	6.9	39.05	Trường THCS Ngô Mây, Xã Phù Cát
55	Phan Trương Nhã Phương	Nữ	14/09/2011	Kinh	8.25	7.5	9.25	7	39	Trường THCS Lê Hồng Phong, Phường Quy Nhơn
56	Nguyễn Lê Ngọc Lâm	Nữ	17/08/2011	Kinh	6.75	8	10	7.1	38.95	Trường THCS Quang Trung, Phường Quy Nhơn Nam
57	Nguyễn Hoàng Việt	Nam	21/01/2011	Kinh	8.5	6.5	9.5	7.2	38.9	Trường THCS Lương Thế Vinh, Phường Quy Nhơn
58	Nguyễn Nhật Khánh Ngân	Nữ	16/07/2011	Kinh	8.5	6.75	9.5	7	38.75	Trường THCS Lương Thế Vinh, Phường Quy Nhơn
59	Nguyễn Võ Nhật Uyên	Nữ	17/04/2011	Kinh	7.5	8.25	9.5	6.7	38.65	Trường THCS Lê Hồng Phong, Phường Quy Nhơn
60	Mai Ngọc Thùy	Nữ	07/01/2011	Kinh	8.5	7.5	9.25	6.6	38.45	Trường THCS Nhơn Bình, Phường Quy Nhơn Đông
61	Hồ Nguyễn Gia Huy	Nam	16/07/2011	Kinh	8	7.25	9.75	6.7	38.4	Trường THCS Lương Thế Vinh, Phường Quy Nhơn
62	Nguyễn Cao Khánh Linh	Nữ	06/10/2011	Kinh	7.75	7.25	10	6.7	38.4	Trường THCS Lương Thế Vinh, Phường Quy Nhơn
63	Lê Nguyễn Anh Thư	Nữ	27/08/2011	Kinh	9	7.25	9.75	6.2	38.4	Trường THCS Lê Hồng Phong, Phường Quy Nhơn
64	Trần Hà Tiên	Nữ	28/05/2011	Kinh	7.75	6.5	9.25	7.4	38.3	Trường THCS Lê Lợi, Phường Quy Nhơn
65	Khổng Tú Quỳnh	Nữ	11/11/2011	Kinh	7.5	8	10	6.4	38.3	Trường THCS Bùi Thị Xuân, Phường Quy Nhơn Tây
66	Nguyễn Phương Thảo	Nữ	07/07/2011	Kinh	7.75	7.25	9.25	7	38.25	Trường THCS Lương Thế Vinh, Phường Quy Nhơn

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Môn chung			Môn chuyên	Tổng điểm xét tuyển chuyên	Trường THCS, xã phường
					Toán	Ngữ văn	Tiếng Anh			
67	Trương Hoài Song Thư	Nữ	18/06/2011	Kinh	8	8.75	9.5	6	38.25	Trường THCS Nhơn Hòa, Phường An Nhơn Nam
68	Trần Trí Toàn	Nam	17/04/2011	Kinh	8	6	9.5	7.3	38.1	Trường THCS Lương Thế Vinh, Phường Quy Nhơn
69	Trần Hương Quỳnh	Nữ	26/04/2011	Kinh	7	7	10	7	38	Trường THCS Lê Hồng Phong, Phường Quy Nhơn
70	Tôn Thất Gia Phú	Nam	31/01/2011	Kinh	7.25	7.5	10	6.6	37.95	Trường THCS Lê Hồng Phong, Phường Quy Nhơn

Danh sách này có 70 học sinh trúng tuyển.